

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ ĐIỂM THI TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2017
(Xếp thứ tự theo vị trí dự tuyển và theo văn A, B, C...)

Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2017 Cảng vụ hàng không miền Bắc thông báo kết quả điểm thi tuyển viên chức cụ thể như sau:

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
A	B	C	D	E	G	H	I	K	L	M =(I+K+Lx 2)/4	N	O
1. Kế toán viên											02	
1	001	Bùi Thị Thu Anh	17/08/1991	62.5	68.0	Đạt	41.0	18.25	54.0	41.8		
2	002	Phạm Thanh Bình	22/09/1985	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
3	003	Nguyễn Thị Kim Dung	05/04/1994	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
4	004	Phạm Thị Đàm	27/07/1995	50.0	84.0	Đạt	19.0	20.0	59.0	39.3		
5	005	Nguyễn Tiến Đạt	29/11/1992	83.0	76.0	Đạt	33.0	24.5	46.0	37.4		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
6	006	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08/07/1990	65.0	80.0	Đạt	52.5	57.5	86.0	70.5		
7	007	Lê Ngọc Hải	12/06/1986	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
8	008	Hoàng Thị Hằng	11/05/1991	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
9	009	Nguyễn Tiến Hoàng	07/09/1992	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
10	010	Dương Thị Thanh Huyền	01/08/1991	Không thi	Không thi		Không thi	9.5	52.0	28.4		
11	011	Hà Kiều Khanh	03/07/1992	66.0	68.0	Đạt	54.25	24.5	72.0	55.7		
12	012	Nguyễn Thị Lý	20/02/1990	80.0	76.0	Đạt	43.25	75.5	59.0	59.2		
13	013	Đỗ Bích Mai	08/07/1993	Miễn thi	64.0	Đạt	20.5	30.0	46.0	35.6		
14	014	Triệu Bích Ngọc	18/07/1992	58.5	88.0	Đạt	64.0	81.0	88.0	80.3		
15	015	Trần Thị Nhài	28/09/1988	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
16	016	Hoàng Thị Hạnh Nhân	16/10/1994	81.0	72.0	Đạt	43.5	34.8	73.0	56.1		
17	017	Nguyễn Thị Sen	29/07/1993	53.0	68.0	Đạt	50.5	12.0	32.0	31.6		
18	018	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/11/1994	Không thi	Không thi		Không thi	24.8	Không thi	6.2		
19	019	Nguyễn Thị Thảo	13/06/1995	64.0	84.0	Đạt	11.0	6.5	66.0	37.4		
20	020	Nguyễn Thị Thu	22/11/1989	80.0	88.0	Đạt	61.5	62.5	93.0	77.5		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
2. Giám sát An toàn hàng không											03	
21	021	Nguyễn Hoàng Anh	25/12/1991	71.0	68.0	Đạt	50.0	54.0	68.0	60.0		
22	022	Nguyễn Ngọc Duệ	31/10/1987	60.0	88.0	Đạt	26.5	24.5	73.0	49.3		
23	023	Đào Thu Hà	25/12/1987	Không thi	Không thi		Không thi	1.0	Không thi	0.3		
24	024	Hà Nguyễn Thanh Hải	07/11/1992	61.0	84.0	Đạt	41.5	8.5	68.0	46.5		
25	025	Lê Trung Hiếu	26/12/1994	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
26	026	Vũ Ngọc Tuấn	19/08/1990	68.5	84.0	Đạt	79.0	70.25	87.0	80.8		
3. Giám sát chất lượng dịch vụ và vận tải hàng không											03	
27	027	Phạm Lan Anh	09/02/1989	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
28	028	Nguyễn Yến Chi	22/12/1994	68.0	48.0	Không đạt	30.0	9.0	34.0	26.8		
29	029	Phạm Hiền Hà	12/10/1993	Miễn thi	72.0	Đạt	71.0	60.5	66.0	65.9		
30	030	Phan Mạnh Huy	28/11/1991	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
31	031	Trần Thanh Huyền	13/12/1990	61.0	64.0	Đạt	59.5	58.0	94.0	76.4		
32	032	Nguyễn Xuân Hưng	07/10/1992	83.0	100.0	Đạt	61.5	65.0	94.0	78.6		
33	033	Trần Kim Ngân	12/09/1990	71.0	92.0	Đạt	23.0	25.5	81.0	52.6		
34	034	Vũ Thị Lan Phương	09/07/1994	68.0	68.0	Đạt	32.5	13.0	34.0	28.4		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
35	035	Nguyễn Duy Tiến	14/01/1995	70.0	72.0	Đạt	30.5	1.5	40.0	28.0		
36	036	Nguyễn Lâm Tùng	29/06/1994	59.0	80.0	Đạt	19.5	25.5	41.0	31.8		
37	037	Bùi Bá Tường	30/10/1988	Miễn thi	Miễn thi		53.0	36.0	67.0	55.8		
38	038	Lê Như Thuận	24/02/1990	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
39	039	Nguyễn Thị Ngọc Trang	02/03/1990	87.0	88.0	Đạt	42.5	28.0	59.0	47.1		
40	040	Phạm Tiến Trung	08/12/1993	54.0	84.0	Đạt	42.5	16.0	66.0	47.6		
4. Pháp chế											02	
41	041	Dương Thị Bích Đào	21/06/1983	Miễn thi	92.0	Đạt	25.25	24.0	40.0	32.3		
42	042	Nguyễn Tiến Đạt	15/11/1990	Miễn thi	Không thi		Không thi	1.0	Không thi	0.3		
43	043	Nguyễn Thu Hương	20/11/1994	83.0	72.0	Đạt	24.25	18.0	26.0	23.6		
44	044	Phạm Thị Bích Liên	20/06/1991	82.0	76.0	Đạt	10.75	8.5	26.0	17.8		
45	045	Nguyễn Đức Mạnh	19/08/1993	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
46	046	Vũ Thị Phương	14/02/1993	57.0	68.0	Đạt	11.0	15.5	61.0	37.1		
47	047	Nguyễn Thị Thanh	27/08/1991	52.0	60.0	Đạt	25.0	11.5	52.0	35.1		
48	048	Phạm Minh Trà	23/04/1991	66.0	68.0	Đạt	53.5	56.5	87.0	71.0		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
49	049	Lê Thị Vân	16/09/1994	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
50	050	Nguyễn Xuân Việt	23/03/1990	70.0	60.0	Đạt	60.0	63.0	87.0	74.3		
5. Hợp tác quốc tế											01	
51	051	Nguyễn Hoài Anh	29/04/1988	Miễn thi	76.0	Đạt	62.5	59.5	64.0	62.5		
52	052	Nguyễn Thị Thu Anh	02/09/1987	Miễn thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
53	053	Nguyễn Đức Việt Anh	10/06/1991	Miễn thi	80.0	Đạt	15.5	6.0	58.5	34.6		
54	054	Phan Thị Hằng	08/06/1994	Miễn thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
55	055	Hồ Thị Mỹ Lệ	06/04/1992	Miễn thi	48.0	Không đạt	4.25	8.5	39.3	22.8		
56	056	Nguyễn Diệu Linh	18/12/1995	Miễn thi	56.0	Đạt	3.0	3.5	61.8	32.5		
57	057	Nguyễn Diệu Linh	28/08/1993	Miễn thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
58	058	Lê Hà Long	09/08/1988	Miễn thi	72.0	Đạt	19.0	4.5	50.8	31.3		
59	059	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11/03/1994	Miễn thi	84.0	Đạt	32.5	10.75	50.8	36.2		
60	060	Lê Thị Hoa Quỳnh	04/10/1990	Miễn thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
61	061	Lưu Thị Thanh Tâm	15/05/1994	Miễn thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
6. Trục hệ thống APIS											01	
62	062	Phan Thị Ánh	07/05/1991	Không thi	Miễn thi		Không thi	Không thi	Không thi			
63	063	Nguyễn Duy Phương	07/12/1989	43.0	Miễn thi	Không đạt	18.5	9.5	22.0	18.0		
7. Đại diện Cảng vụ tại CHK Điện Biên											01	
64	064	Nguyễn Thị Dung	03/12/1980	85.0	76.0	Đạt	21.25	39.5	86.0	58.2		
65	065	Nguyễn Hoàng	18/05/1994	52.0	60.0	Đạt	73.0	57.0	86.0	75.5		
8. Đại diện Cảng vụ tại CHK Thọ Xuân											04	
66	066	Nguyễn Thị Thảo Hương	07/08/1993	52.0	60.0	Đạt	55.0	62.5	80.0	69.4		
67	067	Lê Thị Bích Nga	27/11/1993	56.0	68.0	Đạt	65.5	84.5	81.0	78.0		
68	068	Mai Thị Hồng Nhung	19/08/1987	52.5	56.0	Đạt	64.0	65.0	79.0	71.8		
69	069	Hoàng Thanh Tùng	08/04/1987	81.0	Miễn thi	Đạt	80.0	12.5	52.0	49.1		
9. Đại diện Cảng vụ tại CHK Vinh											01	
70	070	Phan Công Hiếu	04/12/1994	Không thi	Không thi		Không thi	Không thi	Không thi			
71	071	Nguyễn Tuấn Hoàng	31/05/1993	Miễn thi	96.0	Đạt	60.5	82.5	73.0	72.3		

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi các môn điều kiện			Điểm thi các môn tính điểm tuyển dụng				Số lượng cần tuyển (theo TB số 938/TB-CVMB)	Ghi chú
				Ngoại ngữ (tiếng Anh)	Tin học	Kết quả	Kiến thức chung	Chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành (thi viết)	Thực hành chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành	Điểm trung bình		
72	072	Nguyễn Thị Thúy Lê	17/03/1995	53.0	64.0	Đạt	42.0	18.5	67.0	48.6		
73	073	Phan Mai Linh	10/12/1992	61.0	76.0	Đạt	19.0	5.0	21.0	16.5		
74	074	Vương Thị Thùy Linh	20/03/1988	45.0	80.0	Không đạt	51.5	21.5	54.0	45.3		
75	075	Phan Thị Ngọc	28/05/1992	83.0	80.0	Đạt	35.0	9.25	47.0	34.6		
76	076	Hoàng Thị Thái	17/02/1993	68.5	80.0	Đạt	57.5	13.0	41.0	38.1		
77	077	Phan Thị Yến	09/10/1987	46.0	52.0	Không đạt	57.0	8.0	54.0	43.3		
10. Đại diện Cảng vụ tại CHK Cát Bi											01	
78	078	Phạm Thị Ngọc Hào	19/08/1983	55.0	72.0	Đạt	57.5	53.0	79.0	67.1		
79	079	Phạm Duy Quang	27/12/1991	70.0	84.0	Đạt	26.5	21.0	40.0	31.9		
80	080	Nguyễn Thanh Thủy	12/10/1983	Không thi	Không thi		Không thi	0.0	Không thi	0.0		
Tổng cộng											19	

Nơi nhận:

- Cục HKVN (để b/c);
- Ban Giám đốc;
- Hội đồng thi tuyển viên chức năm 2017;
- Thí sinh dự tuyển viên chức năm 2017;
- CB, VC, NLĐ Cảng vụ HKMB;
- Lưu: VT, HĐTT (Thao.xbn).

**T/M HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
CHỦ TỊCH**


Trần Hoài Phương